

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh Kiên Giang tại Tờ trình số 82/TTr-SXD ngày 18/01/2017 về việc ban hành Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

1. Đối tượng và mức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt: Theo Quy định kèm theo Quyết định này.

2. Thu, nộp giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt:

a) Đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích thực hiện giá thu được để lại 90% (chín mươi phần trăm) trên tổng số tiền để trang trải chi phí cho việc thu giá dịch vụ, chi phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và bảo vệ môi trường. Phần còn lại 10% (mười phần trăm) nộp vào ngân sách nhà nước;



b) Đối với các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác phải thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật hiện hành.

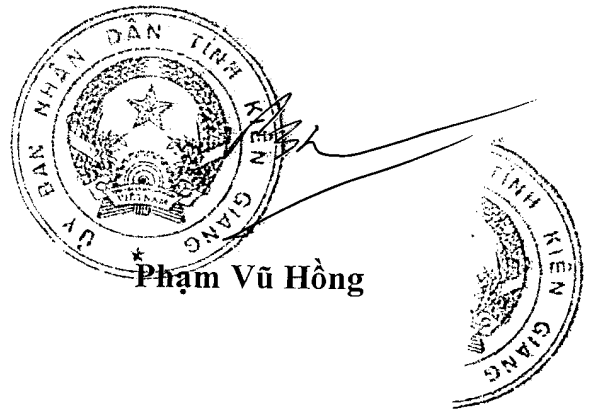
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 02 tháng 02 năm 2017. Giao trách nhiệm cho Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh kiểm tra thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Kiên Giang theo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Website Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, SXD. nvthanh 231

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY ĐỊNH
GIÁ DỊCH VỤ THU GOM, VẬN CHUYỂN RÁC THẢI SINH HOẠT
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KIÊN GIANG**

*(Kèm theo Quyết định số: 05 /2017/QĐ-UBND
ngày 23 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)*

STT	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu
1	Hộ gia đình: - Phường, thị trấn; - Xã.	Đồng/hộ/tháng	20.000 10.000
2	Hộ kinh doanh buôn bán nhỏ: - Tiệm tạp hóa ở xóm, hẻm, mua bán lẻ tại nhà, mua bán và cho thuê băng đĩa, cà phê, giải khát tại nhà, tiệm hớt tóc, uốn tóc; - Hộ kinh doanh bán lẻ rau, củ, quả và thịt gia súc, gia cầm, hộ kinh doanh khác.	Đồng/đơn vị/ tháng	40.000 60.000
3	Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp (bao gồm nhà văn hóa, trung tâm thể dục thể thao, trung tâm y tế); văn phòng các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp trường học, nhà trẻ trong thời gian thực học.	Đồng/đơn vị/ tháng	100.000
4	Cửa hàng, nhà hàng, khách sạn, nhà trọ, nhà máy, bệnh viện, cơ sở sản xuất, chợ, bến tàu, bến xe; vựa cá, vựa trái cây; các công trình xây dựng.	Đồng/m ³ /tháng	160.000
5	Đối với các đối tượng tại Mục 4 nếu khối lượng rác dưới 01m ³ /tháng.	Đồng/đơn vị/ tháng	160.000

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng